

Bản án số: 21/2020/HSST

Ngày: 13/ 01/2020

NHÂN DANH

**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Khánh Hội – Cán bộ hưu trí
2. Bà Lê Thị Loan - Giáo viên nghỉ hưu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Ông Đào Thanh Hải - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Lê Anh Q** ; sinh năm 1990, tại Thanh Hóa. Nơi ĐKKHKT: D, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, thành phố T, nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Phạm Thị O; chưa vợ ; tiền án: - Ngày 14/11/2011 bị Toà án nhân dân thành phố thanh Hóa xử phạt 6 tháng tù về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

- Ngày 28/8/2013 bị Toà án nhân dân thành phố thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

- Ngày 16/3/2015 bị Toà án nhân dân thành phố thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và 30 tháng tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” , tổng hợp hình phạt là 60 tháng tù, ra trại ngày 22/01/2019. Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/8/2019, đến ngày 27/8/2019 chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam, Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn B ; sinh năm 1997, tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: xã T, huyện N, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và bà Lang Thị L; chưa có vợ; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/8/2019 đến ngày 27/8/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Trọng T ; sinh ngày 20/02/2001, tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: T, phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng H và bà Trương Thị L; chưa có vợ; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/8/2019 đến ngày 27/8/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Mai Thanh P ; sinh ngày 09/01/2002; tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn B và bà Nguyễn Thị H; Tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/8/2019 đến ngày 27/8/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Mai Thanh P: Bà Nguyễn Thị N T2 – Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tỉnh Thanh Hóa

Người bị hại: 1. Lang Thị H; sinh năm 2001 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Cháu Mai Mai T2 - sinh năm 2005 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại :

Bà Lê Thu H2 - Trợ giúp viên pháp lý

Công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Anh Q làm công việc quản lý và đưa đón nhân viên nữ phục vụ tại các quán Karaoke trên địa bàn thành phố T cho Lê Văn T3 sinh năm 1989 trú tại phố L, phường Đ, thành phố T. Chiều ngày 19/8/2019, Q đến cửa hàng cầm đồ T ở Q, phường Đ, thành phố T, nói với Lê Văn T3 về việc đón 02 nhân viên nữ (đang làm cho người khác) về làm, T đồng ý.

Q gọi điện cho Lê Văn B, Nguyễn Trọng T và Mai Thanh P nói “ Bây giờ xuống chỗ con N què đưa 02 con nhân viên về làm”, cả nhóm đồng ý, khi T , B và P đến, P thấy Mai Chấn T4 sinh năm 2002 trú tại xã N huyện N, tỉnh Thanh Hóa (là nhân viên của quán cầm đồ T) đang ngồi gần đó nên P nói T4 đi cùng, Q lấy một chiếc gậy 3 khúc bằng kim loại giắt vào người ngồi đằng sau xe máy của T, B và P đi xe máy hiệu Honda Wave RSX BKS 36B6-389.86. Theo sự chỉ dẫn của Q cả nhóm xuống trước khu nhà trọ ở Đ, phường Q, thành phố T, T4 đứng ở ngoài còn Q, B, T, P đi thẳng vào gõ cửa phòng trọ số 4 nơi cháu Mai Mai T2 sinh năm 2005 trú tại thị trấn H, huyện T, tỉnh Nghệ An và chị Lang Thị H sinh năm 2001 trú tại thôn B xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đang trọ. Chị H mở cửa, Q hỏi “ có con N ở đây không”, cháu T2 và chị H trả lời “ không có” . Q dọa “ con N nó nợ tiền bọn anh, bây giờ bọn em về làm cho anh, khi nào con N qua đón thì về”, cháu T2 và chị H không đồng ý, T2 lấy điện thoại gọi cho người quen là Trương M T5 nói “ Cứu em với” thì Q rút chiếc gậy ba khúc trong người ra chỉ vào mặt cháu T2 “ Bỏ điện thoại xuống không tao đập nát bây giờ”, “ nhẹ không ưa, lại thích ưa nặng”. Mặc dù không đồng ý nhưng do sợ nên cháu T2 và chị H phải đi theo nhóm của Q. B và T chở cháu T2, Q chở chị H còn T4 chở P đi về nhà nghỉ T ở Q, phường Đ, thành phố T và đưa chị H và cháu T2 vào phòng 201 (tầng 2) khép cửa lại, Q nói với Cao Văn M, sinh năm 2000, trú tại C, phường T, thành phố S là nhân viên của T3 “ Mi để ý hai đứa cho anh”, rồi lấy xe máy bỏ đi, anh M xuống tầng 1 ngồi uống nước, lát sau Q, T, P về đưa chị H và cháu T2 đi ăn, rồi tiếp tục quay lại nhà nghỉ T. Đến 18 giờ cùng ngày Trương M T5 sinh năm 1983, trú tại L, phường Đ, thành phố T (là người thường chở cháu T2 và chị H đi phục vụ các quán hát) đến phòng trọ Đ, phường Đ, nghe mọi người kể lại nên anh T5 đến Công an phường Q, thành phố T trình báo.

Tại bản cáo trạng số 389/ CT-VKS ngày 25/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá truy tố các bị cáo Lê Anh Q, Lê Văn B, Nguyễn Trọng T và Mai Thanh P về tội “ Bắt, giữ người trái pháp luật” theo qui định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 157 của BLHS. Trong phần luận tội đại diện VKS ND thành phố Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo nh- cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ, e khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1,2 Điều 51; (điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS đối với Lê Anh Q) Khoản 1,2,3 Điều 65(Đối với Lê Văn B, Nguyễn Trọng T, Mai Thanh P) (Điều 91, khoản 4 Điều 98, khoản 1 Điều 101 đối với Mai Thanh P), Điều 58BLHS; .

Đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo:

Lê Anh Q từ 48 tháng tù đến 54 tháng tù;

Lê Văn B từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách 05 năm;

Nguyễn Trọng T từ 30 tháng đến 36 tháng tù; nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách 05 năm;

Mai Thanh P từ 24 tháng đến 27 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 48 tháng đến 54 tháng.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với nhau, đối với người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại cũng như đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Mai Thanh P có ý kiến: Bị cáo P có hoàn cảnh gia đình khó khăn bố mẹ bị cao đã ly hôn và đi làm thuê từ sáng đến tối mới về nên không có nhiều thời gian để gần gũi chăm sóc, dạy dỗ bị cáo, bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, bị cáo giữ vai trò thứ yếu, bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi của mình và đã đến xin lỗi các bị hại, các bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo đã đến công an đầu thú. Vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, 101 ; Điều 65 BLHS xem xét giảm nhẹ TNHS cho bị cáo và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương nơi bị cáo cư trú.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại tại phiên tòa trình bày quan điểm: Về tội danh thống nhất như truy tố của VKS, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do dân chủ của công dân, gây tâm lý lo sợ, hoang mang cho các bị hại, làm tổn hại tinh thần cho bị hại nên cần phải có mức án phù hợp với hành vi các bị cáo gây ra. Về trách nhiệm dân sự lẽ ra các bị cáo phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho các bị hại, nhưng các bị hại đã không yêu cầu do các bị cáo, đây là sự tự nguyện của các bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân : Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T4 hành tố tụng, người T4 hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T4 hành tố tụng, người T4 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai: Vào khoảng 15 giờ 30' ngày 19/8/2019, tại khu vực nhà trọ ở Đ, phường Q, thành phố T Lê Anh Q, Lê Văn B, Nguyễn Trọng T và Mai Thanh P đã có hành vi đe dọa, sau đó bắt cháu Mai Mai T2 là người chưa đủ 18 tuổi và chị Lang Thị H đưa về giữ ở phòng 201 nhà nghỉ Tuấn Linh ở Q, phường Đ, thành phố T, mục đích ép buộc cháu T2 và chị H chịu sự quản lý của mình khi đi phục vụ tại các quán Karaoke trên địa bàn thành phố T.

[3]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị hại, thống nhất với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án, thấy đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng 15 giờ 30' ngày 19/8/2019 Lê Anh Q, Lê Văn B, Nguyễn Trọng T và Mai Thanh P đã có hành vi bắt, giữ trái pháp luật cháu Mai Mai T2 là người chưa đủ 18 tuổi và chị Lang Thị H. Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi nêu trên của các bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 157 của BLHS. Vì vậy VKSND thành phố Thanh Hóa truy tố các bị cáo, cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa khởi tố các bị cáo về tội “bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 157 của BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Người bào chữa cho bị cáo P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh, độ tuổi của bị cáo, hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo và căn cứ vào điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, 101 ; Điều 65 BLHS xem xét giảm nhẹ TNHS cho bị cáo và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương nơi bị cáo cư trú là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5]. Quan điểm trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền tự do, dân chủ của công dân, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do đó cần được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

[7]. Trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc kỹ lưỡng, phân công cụ thể mà một tên khởi sướng cả bọn đồng ý cùng thực hiện. Tuy nhiên cũng cần áp dụng Điều 58 BLHS để xem xét phân hóa vai trò, mức hình phạt với hành vi của từng bị cáo.

[7.1] Trong vụ án này Lê Anh Q giữ vai trò đầu vụ, Q là người rủ các bị cáo khác thực hiện hành vi bắt và giữ cháu T2 và chị H trái pháp luật, hành vi của

Q tích cực nên Q phải chịu TNHS cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo B, T, P có vai trò giúp sức, cùng bắt, giữ cháu T2 và chị H nên có vai trò ngang nhau, và sau Q nên TNHS cũng thấp hơn bị cáo Q là phù hợp.

[7.2] Bị cáo Lê Anh Q đã tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội, vì vậy lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[7.3] Tình tiết giảm nhẹ chung cho các bị cáo, quá trình điều tra xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, (B, T, P ăn năn hối hận với hành vi của mình gây ra thể hiện việc các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai phạm và đã đến xin lỗi các bị hại, trước và sau khi phạm tội các bị cáo B, T, P luôn chấp hành tốt các đường lối, chính sách pháp luật phổ phùng nơi cư trú và Đảng, nhà nước đề ra điều này đã được phổ phùng nơi cư trú xác nhận), các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, khi bị phát hiện các bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú nên khi xem xét hình phạt đối với bị cáo cũng cần áp dụng điểm s khoản 1,2 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7.4] Bị cáo Lê Anh Q nhân thân xấu, bản thân bị cáo tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, vì vậy xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để răn đe và cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[7.5] Các bị cáo B, T, P có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự vai trò thứ yếu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1,2 Điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng, xét không cần thiết phải cách ly ra khỏi cộng đồng xã hội mà cần áp dụng khoản 1,2,3 Điều 65 BLHS để các bị cáo lao động tại nơi bị cáo cư trú dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ điều kiện để các bị cáo cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[7.6]. Bị cáo Mai Thanh P khi phạm tội là người chưa thành niên, chưa đủ 18 tuổi nên khi quyết định mức hình phạt cần áp dụng Điều 91, Điều 98, Điều 101 BLHS đối với bị cáo.

[8]. Về vật chứng: Đối với chiếc gậy ba khúc bằng kim loại bị cáo Q dùng đe dọa các bị hại, hiện nay không có giá trị sử dụng nên cần áp dụng khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106 BLHS tịch thu tiêu hủy.

[9]. Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ,e khoản 2 Điều 157, điểm s khoản 1,khoản 2 Điều 51(điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với Lê Anh Q), Điều 58; Điều 38 (Đối với Lê Anh Q), khoản 1,2,3 Điều 65 BLHS (đối với Lê Văn B, Nguyễn Trọng T, Mai Thanh P). Điều 91, khoản 4 Điều 98, khoản 1 Điều 101 BLHS (đối với Mai Thanh P); khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Anh Q, Lê Văn B, Nguyễn Trọng T, Mai Thanh P phạm tội “Bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật”

Xử phạt: 1. Lê Anh Q 48(Bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 19/8/2019.

2. Lê Văn B 36(Ba mươi sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án HS.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Nguyễn Trọng T 36(Ba mươi sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án HS.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Mai Thanh P 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48(Bốn mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án HS.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 gậy sắt ba khúc phần tay cầm bằng cao su màu đen, chiều dài gậy khoảng 60 cm.

Hiện vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng số 55/THA ngày 07/01/2020 giữa Công an thành phố Thanh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại ;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- THATPTH;
- Người BVQLHP bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt